

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI
Số: 13 /CV- ECI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.**
- Mã chứng khoán: **ECI**
- Địa chỉ trụ sở chính: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**
- Điện thoại: 024.38213786 - 024.39728395 Fax: 024.39728395
- Email: Website: [www .bando tranh anh.vn](http://www.bando.tranh.anh.vn)

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2023

BCTC riêng của công ty (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn ECI vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn www.bando.tranh anh.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: Không

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Tuấn Nam

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm 2023.
- Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Số: 42/CV-ECIV/v: Giải trình BCTC Hợp nhất
năm 2023 đã được kiểm toán

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.
Địa chỉ trụ sở chính: 45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 024.38213786 - 024.39728395 Fax: 024.39728395
Website: www.bandotranhanh.vn
Mã chứng khoán: ECI

Công ty cổ phần Tập đoàn ECI xin giải trình về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

1. Giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này:

ĐVT: VNĐ

| STT | Nội dung | Năm 2023 | Năm 2022 | Chênh lệch |
|-----|--|------------------|---------------|-----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (5.777.605.240) | 2.714.158.835 | (8.491.764.075) |

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên báo cáo tài chính hợp nhất bị lỗ là do: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ năm 2023 lỗ 6.203.446.797, đồng; giảm tương ứng 354,38 % so với năm 2022.

2. Giải trình Ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán:

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 01/07/2022 đã thông qua việc tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền để đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam. Trong quá trình thương thảo, nhiều lần hai bên không thống nhất được mức phí chuyển nhượng, do đó phát sinh các khoản chi ra, thu vào tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền. Đến cuối năm 2023, khi xác định chắc chắn rằng việc không thể đạt được thỏa thuận mua cổ



phần này, Bà Phạm Ngọc Huyền đã hoàn ứng lại toàn bộ tiền tạm ứng cho phía Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI xin trân trọng giải trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Nam





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

Trang

| | |
|---|---------|
| Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 1 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất | |
| • Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 6 - 7 |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 8 |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 9 |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 10 - 30 |



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 - 8213786
- Website: www.bandotranhanh.vn

Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có 1 công ty con:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết |
|---|--|-----------------------------------|----------------------------------|
| Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI | 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | Sản xuất kinh doanh và thương mại | 80,00% |

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2023 là 31 người, trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

| | | |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Quốc Việt | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Ông Nguyễn Nam Phóng | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Ông Lưu Văn Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| | | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023 |

Ban Kiểm soát

| | | |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thanh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Thơm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/06/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 490/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 26/03/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 29, trong năm 2023, Công ty đã cho bà Phạm Ngọc Huyền (là cổ đông lớn sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và là người công bố thông tin của Công ty) tạm ứng 47.047.000.000 đồng, vượt quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất trong khi chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua là chưa phù hợp với quy định tại Điểm 4d, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán.

Mặt khác, như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 8, giao dịch tạm ứng và hoàn ứng bằng tiền cho bà Huyền lần lượt là 47.047.000.000 đồng và 50.729.140.917 đồng; Số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2023 là 900.000.000 đồng. Thay vì hoàn nợ bằng chứng từ kế toán để thể hiện mục đích của số tiền tạm ứng, bà Huyền đã hoàn nợ tạm ứng bằng tiền; Do đó, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các giao dịch tạm ứng và hoàn ứng nêu trên.

101 07 7 12/11

2. Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 27, trong năm 2023, Công ty đã cho bà Phạm Ngọc Huyền vay và thu hồi nợ cho vay với tổng giá trị giao dịch lần lượt là 33,5 tỷ đồng và 33 tỷ đồng. Số dư nợ gốc cho vay tại 31/12/2023 là 17 tỷ đồng hiện theo dõi tại khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, lãi cho vay đã ghi nhận trong năm là 360.746.576 đồng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo. Do các nghiệp vụ cho vay, thu hồi nợ vay đều phát sinh bằng tiền mặt và giá trị giao dịch mỗi lần rất lớn (trên 15 tỷ đồng/giao dịch) nên chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các giao dịch và khoản mục này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh 20d, đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 07/03/2023 đã thông qua chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Công ty đã thực hiện chốt quyền chia cổ tức này vào ngày 04/12/2023 và khoản cổ tức phải trả này hiện được Công ty theo dõi tại khoản mục “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” với số tiền là 1,056 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã nhiều lần gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này và lần gia hạn thứ 3 lùi ngày thanh toán đến ngày 26/04/2024. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên”.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Lê Đức Tùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5181-2021-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 46.893.991.418 | 52.449.286.079 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 904.850.549 | 17.797.376.255 |
| 1. Tiền | 111 | | 904.850.549 | 17.797.376.255 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 20.000.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 20.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 23.235.879.779 | 29.736.918.233 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 4.871.207.498 | 8.024.713.180 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 188.723.396 | 215.542.001 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 8 | 17.000.000.000 | 16.500.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 1.923.724.752 | 5.367.652.043 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (747.775.867) | (370.988.991) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 2.698.810.911 | 4.873.637.370 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 4.485.760.182 | 6.682.949.365 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.786.949.271) | (1.809.311.995) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 54.450.179 | 41.354.221 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12.a | 28.472.724 | 38.892.039 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 25.977.455 | 2.462.182 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.437.773.788 | 5.742.868.945 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.324.422.783 | 5.318.879.584 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 4.270.117.226 | 5.236.240.695 |
| - Nguyên giá | 222 | | 8.603.762.079 | 8.603.762.079 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (4.333.644.853) | (3.367.521.384) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 54.305.557 | 82.638.889 |
| - Nguyên giá | 228 | | 85.000.000 | 85.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (30.694.443) | (2.361.111) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 113.351.005 | 423.989.361 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12.b | 113.351.005 | 423.989.361 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 51.331.765.206 | 58.192.155.024 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. Nợ phải trả | 300 | | 16.689.189.056 | 16.715.973.634 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 13.858.426.170 | 13.385.664.356 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 9.534.518.797 | 9.576.019.659 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 509.333.422 | 52.782.016 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 289.808.961 | 775.746.920 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 323.962.250 | 1.748.378.581 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 907.987.837 | - |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 1.603.164.887 | 543.087.164 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19.a | 499.546.392 | 499.546.392 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 190.103.624 | 190.103.624 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.830.762.886 | 3.330.309.278 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 19.b | 2.830.762.886 | 3.330.309.278 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 34.642.576.150 | 41.476.181.390 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 34.642.576.150 | 41.476.181.390 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 20 | 18.600.000.000 | 18.600.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 18.600.000.000 | 18.600.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | 20 | (726.105.307) | (726.105.307) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 20 | 2.633.994.225 | 2.633.994.225 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 20 | 741.277.519 | 741.277.519 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 20 | 9.753.145.957 | 16.671.919.508 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 15.615.919.508 | 14.012.856.118 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (5.862.773.551) | 2.659.063.390 |
| 6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | 20 | 3.640.263.756 | 3.555.095.445 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 51.331.765.206 | 58.192.155.024 |



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 18.442.137.505 | 54.793.827.584 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | 22 | 111.112.149 | 601.906.860 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ | 10 | | 18.331.025.356 | 54.191.920.724 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 14.116.542.620 | 40.179.003.814 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ | 20 | | 4.214.482.736 | 14.012.916.910 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 370.433.057 | 395.203.936 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 316.875.986 | 124.020.376 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 23 | 306.335.986 | 124.020.376 |
| 8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 26.a | 4.161.772.842 | 5.813.174.936 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 26.b | 5.623.703.944 | 4.969.945.792 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (5.517.436.979) | 3.500.979.742 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 4.325.460 | 13.422.001 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 156.264.812 | 2.885.649 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (151.939.352) | 10.536.352 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (5.669.376.331) | 3.511.516.094 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27 | 108.228.909 | 797.357.259 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | (5.777.605.240) | 2.714.158.835 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | (5.862.773.551) | 2.659.063.390 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 85.168.311 | 55.095.445 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 28 | (3.331) | 1.511 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 28 | (3.331) | 1.511 |



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (5.669.376.331) | 3.511.516.094 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao Tài sản cố định | 02 | 13,14 | 994.456.801 | 536.199.290 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 354.424.152 | (1.058.210.513) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 24 | (370.433.057) | (395.203.936) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 25 | 306.335.986 | 124.020.376 |
| 3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (4.384.592.449) | 2.718.321.311 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 6.969.373.292 | 1.881.146.756 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 2.197.189.183 | 797.441.672 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (422.501.094) | 2.822.335.550 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 321.057.671 | (348.352.901) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | 25 | (306.335.986) | (124.020.376) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 16 | (268.966.001) | (638.800.090) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 4.105.224.616 | 7.108.071.922 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | - | (5.778.018.926) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | 6,8 | (37.000.000.000) | (18.700.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | 8 | 16.500.000.000 | 11.260.000.000 |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 1.200.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 9,24 | 1.796.070 | 264.623.114 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (20.498.203.930) | (11.753.395.812) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 3.500.000.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 4.038.000.000 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 19 | (499.546.392) | (208.144.330) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (2.815.825.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (499.546.392) | 4.514.030.470 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (16.892.525.706) | (131.293.420) |
| Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ | 60 | 5 | 17.797.376.255 | 17.928.669.675 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ | 70 | 5 | 904.850.549 | 17.797.376.255 |



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có 1 công ty con:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết |
|---|--|-----------------------------------|---|
| Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI | 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | Sản xuất kinh doanh và thương mại | 80,00% |

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 |
| Phương tiện vận tải | 6 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 - 4 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------|---------------------------------|
| Phần mềm quản lý | 3 |

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ, máy tính; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế. Riêng giai đoạn từ 01/07/2023 đến 31/12/2023, Công ty áp dụng thuế suất 8% đối với mặt hàng nẹp treo bản đồ theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--------------------|--------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 408.251.000 | 909.213.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 496.599.549 | 16.888.163.255 |
| Cộng | 904.850.549 | 17.797.376.255 |

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|-----------------------------------|-----------------------|------------|
| Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng | 20.000.000.000 | - |
| Cộng | 20.000.000.000 | - |

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Golden Bay | 2.364.936.000 | - |
| Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh | 477.435.915 | 802.764.915 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương | 355.347.400 | 285.444.960 |
| Các đối tượng khác | 1.673.488.183 | 6.936.503.305 |
| Cộng | 4.871.207.498 | 8.024.713.180 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bà Phạm Ngọc Huyền | 17.000.000.000 | 16.500.000.000 |
| Cộng | 17.000.000.000 | 16.500.000.000 |

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI (Công ty con) Cho Bà Phạm Ngọc Huyền vay theo các Hợp đồng vay sau

- Hợp đồng vay số 10062023/ECI-CV ngày 10/06/2023, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất: 9,5%/năm;
- Hợp đồng vay số 04122023/ECI-CV ngày 04/12/2023, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất: 6,5%/năm.

Việc cho Bà Phạm Ngọc Huyền vay đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty con ngày 01/06/2023 và ngày 01/12/2023 thông qua. Trong năm 2023, tổng số tiền cho bà Huyền vay là 33,5 tỷ đồng và thu hồi cho vay là 33 tỷ đồng. Tổng chi phí lãi cho vay ghi nhận trong năm 2023 là 360.746.576 đồng.

9. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu | 425.595.891 | - | 56.958.904 | - |
| Tạm ứng | 1.487.500.000 | - | 5.196.728.800 | - |
| - Bà Phạm Ngọc Huyền (bên liên quan) | 1.487.500.000 | - | 4.715.858.800 | - |
| - Các đối tượng khác | - | - | 480.870.000 | - |
| Phải thu thuế TNCN | 10.628.861 | - | 63.964.339 | - |
| Các khoản phải thu khác | - | - | 50.000.000 | - |
| Cộng | 1.923.724.752 | - | 5.367.652.043 | - |

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|--------------------|--------------------|
| Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán: | 747.775.867 | 370.988.991 |
| - Từ 3 năm trở lên | 385.251.631 | 155.592.452 |
| - Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 64.925.952 | 150.255.489 |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 59.298.900 | 60.270.010 |
| - Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 238.299.384 | 4.871.040 |
| Cộng | 747.775.867 | 370.988.991 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Hàng tồn kho

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 52.232.655 | - | 48.915.399 | - |
| Thành phẩm | 3.402.167.654 | 1.591.876.915 | 5.186.761.184 | 1.567.723.557 |
| Hàng hóa | 1.031.359.873 | 195.072.356 | 1.447.272.782 | 241.588.438 |
| Cộng | 4.485.760.182 | 1.786.949.271 | 6.682.949.365 | 1.809.311.995 |

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023 là 2.232.735.855 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ | 2.991.666 | 32.835.039 |
| Chi phí bảo hiểm | 25.481.058 | 6.057.000 |
| Cộng | 28.472.724 | 38.892.039 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 11.313.135 | 97.726.113 |
| Tem và thẻ cào điện tử | 194.354 | 13.915.471 |
| Chi phí sửa chữa | 58.358.979 | 22.614.443 |
| Phần mềm quản trị | 7.333.338 | 11.333.334 |
| Chi phí khác | 36.151.199 | 278.400.000 |
| Cộng | 113.351.005 | 423.989.361 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 342.503.748 | 7.861.948.626 | 399.309.705 | 8.603.762.079 |
| Phân loại lại | - | (40.758.926) | 40.758.926 | - |
| Mua sắm trong năm | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 342.503.748 | 7.821.189.700 | 440.068.631 | 8.603.762.079 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu năm | 342.503.748 | 2.639.951.367 | 385.066.269 | 3.367.521.384 |
| Phân loại lại | - | (82.175) | 82.175 | - |
| Khấu hao trong năm | - | 942.043.333 | 24.080.136 | 966.123.469 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 342.503.748 | 3.581.912.525 | 409.228.580 | 4.333.644.853 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | 5.221.997.259 | 14.243.436 | 5.236.240.695 |
| Số cuối năm | - | 4.239.277.175 | 30.840.051 | 4.270.117.226 |

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 4.239.277.175 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 2.910.743.153 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

14. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|----------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 85.000.000 | 85.000.000 |
| Mua trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 85.000.000 | 85.000.000 |
| Khấu hao | | |
| Số đầu năm | 2.361.111 | 2.361.111 |
| Khấu hao trong năm | 28.333.332 | 28.333.332 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 30.694.443 | 30.694.443 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 82.638.889 | 82.638.889 |
| Số cuối năm | 54.305.557 | 54.305.557 |

Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---|----------------------|----------------------|
| XN Bàn đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ | 4.254.176.426 | 3.762.662.565 |
| Công ty TNHH In và TBGD Đông Á | 1.219.401.275 | 1.499.393.355 |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu MSD Việt Nam | 2.296.006.900 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2 | 852.000.000 | 1.522.000.000 |
| Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hướng Nam | 198.085.000 | 998.085.000 |
| Các đối tượng khác | 714.849.196 | 1.793.878.739 |
| Cộng | 9.534.518.797 | 9.576.019.659 |

16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Số cuối năm | |
|-----------------------------|------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|-------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | | | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 83.305.340 | 15.720.061 | 83.305.340 | - | 15.720.061 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 358.766.022 | 108.228.909 | 268.966.001 | - | 198.028.930 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 333.675.558 | 195.477.347 | 453.092.935 | - | 76.059.970 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 328.651.830 | 328.651.830 | - | - |
| Thuế môn bài | - | - | 6.000.000 | 6.000.000 | - | - |
| Cộng | - | 775.746.920 | 654.078.147 | 1.140.016.106 | - | 289.808.961 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--------------------------------------|--------------------|------------|
| Chi phí nhuận bút, bản thảo phải trả | 736.953.827 | - |
| Chi phí hoa hồng | 171.034.010 | - |
| Cộng | 907.987.837 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 291.116.069 | 266.233.461 |
| Thù lao HĐQT, BKS | 88.690.000 | 111.590.000 |
| Thuế TNCN thu thừa | 163.025.907 | 160.930.792 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.058.605.610 | 2.605.610 |
| Phải trả khác | 1.727.301 | 1.727.301 |
| Cộng | 1.603.164.887 | 543.087.164 |

19. Vay và thuê tài chính

a. Ngắn hạn

| | Đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Cuối năm |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 499.546.392 | 499.546.392 | 499.546.392 | 499.546.392 |
| - Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng | 499.546.392 | 499.546.392 | 499.546.392 | 499.546.392 |
| Cộng | 499.546.392 | 499.546.392 | 499.546.392 | 499.546.392 |

b. Dài hạn

| | Đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Cuối năm |
|--|----------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
| Vay dài hạn | 3.829.855.670 | - | 499.546.392 | 3.330.309.278 |
| - Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng | 3.829.855.670 | - | 499.546.392 | 3.330.309.278 |
| Cộng | 3.829.855.670 | - | 499.546.392 | 3.330.309.278 |
| Trong đó: | | | | |
| - Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm | 499.546.392 | | | 499.546.392 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 3.330.309.278 | | | 2.830.762.886 |

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác của vốn CSH | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát |
|--|------------------------------|---------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------------|--|
| Số dư tại 01/01/2022 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 14.012.856.118 | - |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 2.659.063.390 | 3.500.000.000 |
| Lãi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | 55.095.445 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2022 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 16.671.919.508 | 3.555.095.445 |
| Số dư tại 01/01/2023 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 16.671.919.508 | 3.555.095.445 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | (5.862.773.551) | - |
| Lãi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | 85.168.311 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 1.056.000.000 | - |
| Số dư tại 31/12/2023 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 9.753.145.957 | 3.640.263.756 |

b. Cổ phiếu

| | 31/12/2023 Cổ phiếu | 01/01/2023 Cổ phiếu |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.860.000 | 1.860.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.860.000 | 1.860.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.860.000 | 1.860.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 100.000 | 100.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 100.000 | 100.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.760.000 | 1.760.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.760.000 | 1.760.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND | | |

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 16.671.919.508 | 14.012.856.118 |
| Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | (5.862.773.551) | 2.659.063.390 |
| Phân phối lợi nhuận | 1.056.000.000 | - |
| Phân phối lợi nhuận năm trước | 1.056.000.000 | - |
| - Chia cổ tức | 1.056.000.000 | - |
| Tạm phân phối lợi nhuận năm nay | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ | 9.753.145.957 | 16.671.919.508 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

d. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 07/03/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty thực hiện chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2023
- Thời gian thực hiện: 18/12/2023

Ngày 15/12/2023, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức đến ngày 22/01/2024.

Ngày 17/01/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 2 đến ngày 29/02/2024.

Ngày 27/02/2024, Công ty tiếp tục thông báo lùi thời hạn chi trả cổ tức lần 3 đến ngày 26/04/2024.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục | 11.247.070.800 | 30.966.104.296 |
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 7.191.367.505 | 16.159.843.418 |
| Doanh thu bán sách tham khảo | 3.699.200 | 598.040.640 |
| Doanh thu máy tính, thiết bị ngoại vi | - | 7.069.839.230 |
| Cộng | 18.442.137.505 | 54.793.827.584 |

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Chiết khấu thương mại | 92.833.372 | 444.689.558 |
| Hàng bán bị trả lại | 18.278.777 | 157.217.302 |
| Cộng | 111.112.149 | 601.906.860 |

23. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục | 7.975.562.075 | 20.545.374.118 |
| Giá vốn thiết bị giáo dục | 6.161.014.083 | 13.204.767.050 |
| Giá vốn sách tham khảo | 2.329.186 | 281.959.961 |
| Giá vốn hàng thương mại | - | 7.046.856.244 |
| Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (22.362.724) | (899.953.559) |
| Cộng | 14.116.542.620 | 40.179.003.814 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 370.433.057 | 145.203.936 |
| Lãi từ chuyển nhượng cổ phần | - | 250.000.000 |
| Cộng | 370.433.057 | 395.203.936 |

25. Chi phí tài chính

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 306.335.986 | 124.020.376 |
| Chiết khấu thanh toán | 10.540.000 | - |
| Cộng | 316.875.986 | 124.020.376 |

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền lương và các khoản trích theo lương | 2.303.332.915 | 2.776.123.775 |
| Chi phí bốc xếp vận chuyển | 166.999.500 | 506.367.139 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 171.034.010 | 918.566.621 |
| Chi phí thuê kho, thuê văn phòng | 775.958.234 | 716.467.638 |
| Các khoản khác | 744.448.183 | 895.649.763 |
| Cộng | 4.161.772.842 | 5.813.174.936 |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền lương và các khoản trích theo lương | 2.003.383.119 | 2.496.849.541 |
| Chi phí thuê nhà | 126.163.638 | 126.163.634 |
| Chi phí khấu hao | 994.456.801 | 548.506.146 |
| Chi phí giao dịch, hội nghị | 209.808.892 | 186.567.042 |
| Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn... | 691.529.297 | 483.465.454 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi | 376.786.876 | (158.256.954) |
| Các khoản khác | 1.221.575.321 | 1.286.650.929 |
| Cộng | 5.623.703.944 | 4.969.945.792 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (5.669.376.331) | 3.511.516.094 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | 1.307.504.805 | 475.270.202 |
| Điều chỉnh tăng | 1.307.504.805 | 475.270.202 |
| + Chi phí khấu hao (nguyên giá xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng) | 675.376.667 | - |
| + Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP | 306.335.986 | - |
| + Chi phí không được trừ theo Luật Thuế | 325.792.152 | 357.796.202 |
| + Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành | - | 117.474.000 |
| Điều chỉnh giảm | - | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | (4.361.871.526) | 3.986.786.296 |
| Thu nhập chịu thuế tại Công ty mẹ | (4.894.173.472) | 3.620.911.989 |
| Thu nhập chịu thuế tại Công ty con | 532.301.946 | 365.874.307 |
| Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 108.228.909 | 797.357.259 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 106.460.389 | 797.357.259 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | 1.768.520 | - |

28. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-----------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | (5.862.773.551) | 2.659.063.390 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | - | - |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm | - | - |
| LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (5.862.773.551) | 2.659.063.390 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 1.760.000 | 1.760.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (3.331) | 1.511 |

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công in | 308.408.375 | 1.133.988.515 |
| Chi phí nhân công | 4.724.484.940 | 9.583.294.118 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 994.456.801 | 548.506.146 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.509.658.497 | 20.185.510.843 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.056.724.653 | 2.075.041.556 |
| Cộng | 15.593.733.266 | 33.526.341.178 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn của Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào hoạt động thực tế tại Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như môi trường kinh tế cụ thể theo ngành nghề kinh doanh có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bản đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp chính là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Chủ tịch HĐQT đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, các trường học,... Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

| 31/12/2023 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 9.534.518.797 | - | 9.534.518.797 |
| Chi phí phải trả | 907.987.837 | - | 907.987.837 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 499.546.392 | 2.830.762.886 | 3.330.309.278 |
| Phải trả khác | 1.312.048.818 | - | 1.312.048.818 |
| Cộng | 12.254.101.844 | 2.830.762.886 | 15.084.864.730 |

| 01/01/2023 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 9.576.019.659 | - | 9.576.019.659 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 499.546.392 | 3.330.309.278 | 3.829.855.670 |
| Phải trả khác | 276.853.703 | - | 276.853.703 |
| Cộng | 10.352.419.754 | 3.330.309.278 | 13.682.729.032 |

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2023 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 904.850.549 | - | 904.850.549 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 20.000.000.000 | - | 20.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 4.123.431.631 | - | 4.123.431.631 |
| Phải thu về cho vay | 17.000.000.000 | - | 17.000.000.000 |
| Phải thu khác | 436.224.752 | - | 436.224.752 |
| Cộng | 42.464.506.932 | - | 42.464.506.932 |

| 01/01/2023 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.797.376.255 | - | 17.797.376.255 |
| Phải thu khách hàng | 7.653.724.189 | - | 7.653.724.189 |
| Phải thu về cho vay | 16.500.000.000 | - | 16.500.000.000 |
| Phải thu khác | 170.923.243 | - | 170.923.243 |
| Cộng | 42.122.023.687 | - | 42.122.023.687 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| Công ty liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam") | Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Học liệu | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông | Chung Công ty đầu tư |
| Công nghệ Giáo dục | |
| Ông Nguyễn Tuấn Nam | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Ngọc Huyền | Phụ trách kế toán tại Công ty con, người đại diện công bố thông tin |

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------------------|----------------|----------------|
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị | Bán bản đồ, tranh ảnh | 23.615.273 | 31.145.203 |
| Công ty CP Học liệu | Bán bản đồ, tranh ảnh | 183.526.200 | 158.720.000 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | Bán bản đồ, tranh ảnh | 819.264.960 | 1.379.636.320 |
| | Mua thiết bị giáo dục | 830.174.532 | 1.888.486.147 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long | Bán bản đồ, tranh ảnh | 204.600.000 | 1.244.300.800 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam | Bán bản đồ, tranh ảnh | 534.780.000 | 1.280.857.600 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung | Bán bản đồ, tranh ảnh | 161.370.000 | 351.564.800 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông | Bán bản đồ, tranh ảnh | 483.878 | - |
| Công nghệ Giáo dục | | | - |
| Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tạm ứng | - | 30.030.870.000 |
| | Hoàn ứng | 430.870.000 | 29.600.000.000 |
| Bà Phạm Ngọc Huyền | Tạm ứng | 47.597.000.000 | 41.542.213.500 |
| | Hoàn ứng | 50.730.140.917 | 36.864.854.700 |
| | Cho vay | 33.500.000.000 | 16.500.000.000 |
| | Thu hồi cho vay | 33.000.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 360.746.576 | 56.958.904 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Số dư với các bên liên quan

| | Khoản mục | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|--------------------------|-------------|---------------|
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị | Phải thu khách hàng | 838.798 | 22.784.040 |
| Công ty CP Học liệu | Người mua trả tiền trước | 122.760.000 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | Phải thu khách hàng | 4.349.640 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam | Người mua trả tiền trước | 124.280.000 | - |
| Bà Phạm Ngọc Huyền | Tạm ứng | 900.000.000 | 4.677.358.800 |
| Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI | Phải thu khác | 140.000.000 | - |

d. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

| | Chức vụ | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|----------------------|-------------|-------------|
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | | | |
| Ông Nguyễn Tuấn Nam | Chủ tịch HĐQT | - | 13.824.000 |
| Ông Nguyễn Nam Phóng | Phó Chủ tịch HĐQT | - | 32.500.000 |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | Trưởng Ban kiểm soát | - | 7.680.000 |
| Tiền lương Ban Tổng Giám đốc | | | |
| Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | 442.560.996 | 218.044.000 |
| Ông Cao Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | 516.348.848 | 555.428.898 |
| Bà Hoàng Mai Diệp | Phó Tổng Giám đốc | 482.923.881 | 188.752.431 |

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

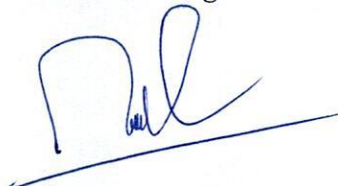
34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.


Chủ tịch HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu



Ngô Thị Hương Giang